TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/5/2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mến

Ông Nguyễn Hữu Tài

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Bùi Thị Ngọc G**, sinh năm 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Hiện cư trú tại: ấp T2, xã T3, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Chí L**, sinh năm 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 12/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc G trình bày: Chị và anh Nguyễn Chí L thành hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 27/10/2010. Vợ chồng sống chung được khoảng 07 năm lúc đầu có hạnh phúc nhưng sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, anh L nghi ngờ lòng chung thủy của chị,

hay ghen tuông và có hành vi bạo lực với chị nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2017 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung, chị yêu cầu được ly hôn với anh L. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu N, sinh ngày 18/5/2012, hiện đang sống chung với anh L, do cháu N sống với anh L ở gần trường học, điều kiện học hành của cháu đảm bảo hơn sống chung với chị nên chị thống nhất để anh L tiếp tục nuôi con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 27/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Chí L trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị G về thời gian thành hôn, thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Thời gian vợ chồng chung sống lúc đầu có hạnh phúc nhưng sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, chị G thường xuyên nhắn tin thân thiết, liên lạc với người đàn ông khác, anh đã tha thứ nhiều lần nhưng chị G không thay đổi. Nay chị G xin ly hôn, anh không đồng ý vì chị G là người có lỗi trong quan hệ vợ chồng. Anh xác định còn thương vợ, anh xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng lo cho con. Nếu yêu cầu ly hôn của chị G được Tòa án chấp nhận, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Hữu N, không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

Về trình tự, thủ tục tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa là hoàn toàn đúng theo quy định. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa cơ bản đúng theo quy định của pháp luật. Không có ý kiến đề nghị khắc phục.

Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Ngọc G được ly hôn với anh Nguyễn Chí L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 18/5/2012 cho anh Nguyễn Chí L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị chị G có nghĩa vụ nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

[1.1] Chị Bùi Thị Ngọc G và anh Nguyễn Chí L thành hôn năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 27/10/2010 phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên xem đây là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Quá trình chung sống chị G và anh L xác định có mâu thuẫn xảy ra do anh L nghi ngờ lòng chung thủy của chị G, anh L có hành vi bạo lực với chị G nên gia đình chị G đưa chị G ra Bình Dương sinh sống từ tháng 11/2017 đến nay. Từ đó, vợ chồng anh chị đã cắt đứt quan hệ không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhằm giúp đỡ chị G, anh L đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G, anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc G là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Bùi Thị Ngọc G và anh Nguyễn Chí L xác định có 01 con chung tên Nguyễn Hữu N, sinh ngày 18/5/2012 hiện đang sống chung với anh L. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị G và anh L trình bày thời gian anh chị sống chung tại nhà anh L, lúc đi làm anh chị gửi cháu cho ông bà nội chăm sóc, hiện cháu đang học ở trường gần nhà anh L. Chị G xác định cháu N sống với anh L đảm bảo điều kiện học hành hơn nên chị đồng ý để cháu N cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy: để ổn định cho việc phát triển mọi mặt của cháu N và theo thỏa thuận của chị G, anh L nên cần giao cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 18/5/2012 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con nhưng anh Nguyễn Chí L là người trực tiếp nuôi con, anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc G và anh Nguyễn Chí L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị Bùi Thị Ngọc G yêu cầu ly hôn nên chị G phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc G.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc G được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Chí L.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 18/5/2012 cho anh Nguyễn Chí L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị Ngọc G không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc G nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014458 ngày 12/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị G đã nộp đủ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể ngày tuyên án để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã T1 (Theo GCN KH số 138, ngày 27/10/2010;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga